

PHỤ LỤC

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG.....	3
1 Thông tin khái quát.....	3
2 Quá trình hình thành và phát triển.....	3
3 Ngành nghề kinh doanh chính.....	4
4 Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	5
5 Định hướng phát triển.....	11
5.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.....	11
5.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn:.....	12
5.3 Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.....	12
6 Các rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động SXKD hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của công ty.....	12
6.1 Rủi ro nền kinh tế.....	12
6.2 Rủi ro về pháp luật.....	13
6.3 Rủi ro về đặc thù.....	13
PHẦN II: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM.....	13
1 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	13
2 Tổ chức và nhân sự.....	14
3 Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.....	20
4 Tình hình tài chính của công ty thời điểm 31/12/2013:.....	20
5 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	21
PHẦN III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC.....	22
1 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	22
2 Tình hình tài chính.....	23
3 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.....	24
4 Kế hoạch phát triển trong tương lai.....	25
PHẦN IV: ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	25
1 Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.....	25
2 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty.....	25
3 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.....	25
PHẦN V: QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	25
1 Hội đồng quản trị.....	26
2 Ban Kiểm soát.....	27

3	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.....	27
PHẦN VI: BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....		28
1	Ý kiến kiểm toán.....	28
2	Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2013	30

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG

1 Thông tin khái quát

Tên tổ chức:	:	CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SƠN TÂY
Tên giao dịch quốc tế	:	SonTay urban construction and environment Joint Stock Company
Trụ sở chính	:	Số 02 phố Phùng Hưng – Sơn Tây –Hà Nội
Điện thoại	:	(04) 3383 4530
Fax	:	(04) 3383 2183
Email	:	dothisontay@gmail.com
Website	:	moitruongdothisontay.com.vn
Vốn điều lệ	:	18.760.000.000 đồng (Mười tám tỷ bảy trăm sáu mươi triệu đồng)
Mã Cổ phiếu:		STU <i>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0500239004 do Sở Kế</i>
Giấy CNDKKD	:	<i>hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần đầu vào ngày 01 tháng 11 năm 2011</i>

2 Quá trình hình thành và phát triển

- Công ty cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây tiền thân là đội vệ sinh đô thị thuộc Ban xây dựng thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội, Ngày 22/12/1982, UBND thành phố Hà Nội ra quyết định số 5110/QĐ/UBND thành lập xí nghiệp công trình đô thị Sơn Tây là đơn vị sự nghiệp công cộng.

- Năm 1991, thị xã Sơn Tây được chuyển về khi tái lập tỉnh Hà Tây, Xí nghiệp công trình đô thị Sơn Tây được đổi tên là Công ty Môi trường Đô thị Sơn Tây là đơn vị sự nghiệp công cộng (1992).

- Ngày 13/12/1996, UBND tỉnh Hà Tây ra quyết định số 979 chuyển Công ty thành Doanh nghiệp Nhà nước hoạt động công ích có tên là Công ty Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây.

- Ngày 10/7/2008, UBND tỉnh Hà Tây ra quyết định số 2248/QĐ-UBND chuyển Công ty Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây thành Công ty cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây.

- Ngày 9/7/2009 công ty cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây đã trở thành công ty đại chúng.

- Ngày 19/7/2010 Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam đã cấp giấy chứng nhận số 174/2010/GCNCP-VSD chấp thuận cho công ty được đăng ký chứng khoán và cấp mã chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán.

- Ngày 17/03/2011 công ty đã tiến hành bàn giao phần vốn nhà nước là 36% về công ty TNHH nhà nước 1 thành viên Môi trường đô thị Hà Nội (URENCO) theo quyết định số 1282 của UBND Thành phố Hà Nội.

- Ngày 29/07/2011 ủy ban chứng khoán Nhà nước đã cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán CP ra công chúng cho Công ty CP Môi trường và Công trình Đô Thị Sơn Tây, Số CP chào bán là 750.400 CP tương đương với 7.504.000.000đ (tính theo mệnh giá 10.000đ/01CP)

- Ngày 11/10/2011 HĐQT đã chính thức báo cáo tới UBCK nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội về kết quả phát hành CP tăng vốn điều lệ và hoàn thiện các thủ tục để xin cấp ĐKKD công ty cổ phần và ghi nhận phần vốn 7.504.000.000 từ ngày 01/11/2011 tăng vốn điều lệ của công ty từ 11.256.000.000đ lên 18.760.000.000đ.

- Ngày 24/02/2012 Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội đã chấp thuận cho 750.400 CP phát hành tăng vốn điều lệ năm 2011 giao dịch phiên đầu tiên trên thị trường Upcom.

3 Ngành nghề kinh doanh chính

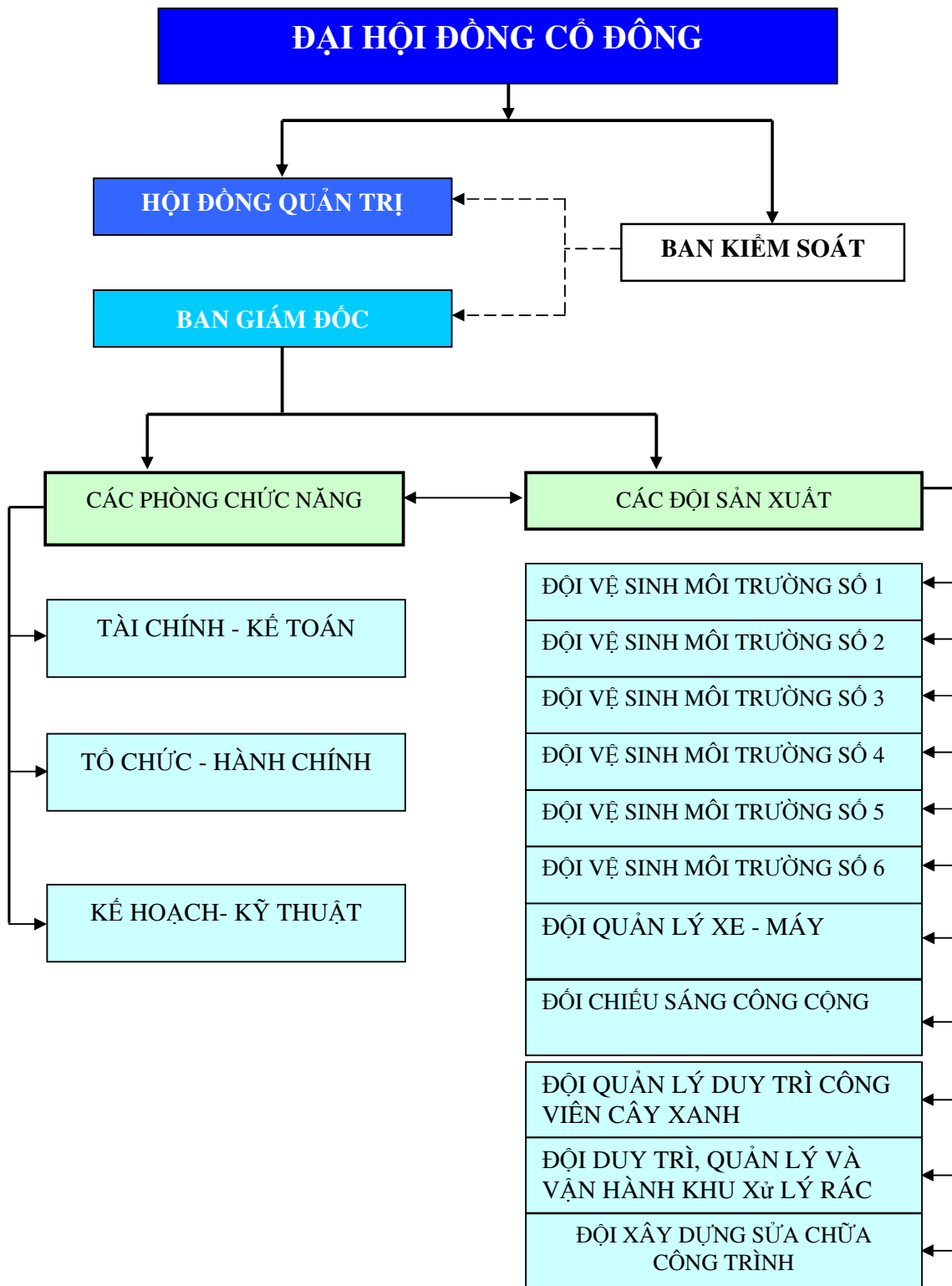
a) Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0500239004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần đầu vào ngày 01 tháng 11 năm 2011 với ngành nghề kinh doanh như sau:

- Thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt, đảm bảo vệ sinh môi trường;
- Quản lý, vận hành hệ thống thoát nước đô thị;
- Quản lý vận hành hệ thống điện chiếu sáng, điện trang trí, đèn tín hiệu giao thông công cộng;
- Quản lý duy trì công viên, vườn hoa, cây xanh thảm cỏ đường phố, đảo giao thông;
- Quản lý nghĩa trang nhân dân làm các dịch vụ tang lễ;
- Xây dựng, sửa chữa vừa và nhỏ các công trình hạ tầng đô thị như: vỉa hè, thoát nước, đường nội thị, điện chiếu sáng, vườn hoa, cây xanh, thảm cỏ;
- Kinh doanh dịch vụ giải trí công viên;
- Kinh doanh hoa, cây cảnh;
- Thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải công nghiệp, rác thải độc hại;
- Xử lý môi trường làng nghề;

Trong đó các ngành nghề kinh doanh chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất: Thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt, đảm bảo vệ sinh môi trường;

b) Địa bàn kinh doanh: (địa bàn kinh doanh chính, trên 10% tổng DT 2 năm gần nhất):
Thị xã Sơn Tây

4 Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý



Đại Hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Điều lệ và Pháp luật liên quan quy định, Đại hội đồng cổ đông có các quyền: thông qua, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; thông qua kế hoạch phát triển Công ty, thông qua Báo cáo Tài chính hàng năm, báo cáo của HĐQT, Ban kiểm soát và của Kiểm toán viên; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty,

Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Công ty cổ phần Môi trường và công trình đô thị Sơn Tây, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông, HĐQT có các quyền như: quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty; quyết định chiến lược đầu tư, phát triển của Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc; kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, Báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm trình ĐHĐCĐ; và các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

Hiện nay, HĐQT của Công ty có 05 thành viên bao gồm 01 Chủ tịch HĐQT và 04 thành viên HĐQT, Cơ cấu Hội đồng Quản trị hiện tại như sau:

Stt	Chức vụ	Họ và tên
1	Chủ tịch	Hà Ngọc Tân
2	P. Chủ tịch	Lê Văn Thục
3	Ủy viên	Lê Văn Vũ
4	Ủy viên	Nguyễn Hồng Điệp
5	Ủy viên	Nguyễn Xuân Huynh

Ban Kiểm soát :

BKS do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 03 thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty, BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và Pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ như: kiểm tra sổ sách kế toán và các Báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT; trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty, đồng thời có quyền trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc; và các quyền khác được quy định tại Điều lệ, Cơ cấu Ban kiểm soát Công ty hiện tại như sau:

Stt	Chức vụ	Họ và Tên
1	Trưởng ban	Phan Văn Tiến
2	Thành viên	Khiếu Minh Đồng
3	Thành viên	Nguyễn thị Vân Anh

Ban giám đốc :

Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và trước Pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao, Phó giám đốc có trách nhiệm hỗ trợ Giám đốc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Giám đốc có quyền: tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo nghị quyết của ĐHĐCĐ, quyết định của HĐQT, Điều lệ Công ty và tuân thủ Pháp luật; xây dựng và trình HĐQT các quy chế quản lý điều hành nội bộ, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính hàng năm và dài hạn của Công ty; đề nghị HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Phó giám đốc, Kế toán trưởng; ký kết, thực hiện các hợp đồng theo quy định của Pháp luật; báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động, kết quả sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, HĐQT và Pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Công ty; thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua và các nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ, Cơ cấu Ban Giám đốc của Công ty hiện nay như sau:

Stt	Chức vụ	Họ và Tên
1	Giám đốc	Lê Văn Thục
2	Phó GD	Lê Văn Vũ
3	Phó GD	Phùng Thị Nhường
4	Phó GD	Nguyễn Hồng Điệp

Các phòng chức năng :

Hiện tại Công ty có 03 Phòng chức năng bao gồm: Tổ chức - Hành chính; Tài chính - Kế toán; Kế hoạch - Kỹ thuật, Các phòng có nhiệm vụ tham mưu, giúp việc cho ban lãnh đạo trong việc điều hành mọi hoạt động kinh doanh của toàn Công ty, Các phòng chức năng có các Trưởng, Phó phòng trực tiếp điều hành hoạt động kinh doanh của phòng, chịu trách nhiệm trước Giám đốc về các nhiệm vụ trên, Chức năng cụ thể của các phòng chức năng này như sau:

Phòng Tổ chức – Hành chính:

* Chức năng:

Tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị và Giám đốc công ty về công tác tổ chức bộ máy nhân sự và các công việc thuộc lĩnh vực hành chính của công ty.

* Nhiệm vụ:

- Tham mưu về công tác tổ chức nhân sự, giải quyết các thủ tục về HĐLĐ tuyển dụng, điều động, bổ nhiệm, miễn nhiệm cho thôi việc đối với cán bộ CNV công ty.

- Tham mưu về việc thực hiện chế độ chính sách với người lao động theo quy định của bộ luật lao động, thực hiện chính sách tiền lương, chế độ BHXH và các chế độ chính sách khác liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của CBCNV Công ty.

- Giúp GD Công ty phối hợp với công đoàn ký kết thỏa ước LĐ hàng năm theo quy định, là thường trực HĐ thi đua khen thưởng, kỷ luật của công ty.

- Tiếp nhận các công văn giao dịch đi, đến của Công ty, quản lý con dấu và hồ sơ lưu trữ của công ty, kiểm tra, vào sổ, phê tô các văn bản, tài liệu của công ty, tiếp đón khách và thực hiện các giao dịch theo sự phân công của GD công ty.

- Quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc của doanh nghiệp, định kỳ kiểm tra, kiểm kê tài sản theo quyết định của HĐQT và GD công ty, phối hợp với các cơ quan chức năng và chính quyền địa phương trong thực hiện các chính sách xã hội, quốc phòng an ninh.

- Nghiên cứu đề xuất với HĐQT, GD công ty về công tác tổ chức CBCNV, quản lý đội ngũ CBCNV về nhân sự đề xuất các phương án sắp xếp lao động của các đội trong công ty, Quản lý hồ sơ của CBCNV trong công ty.

- Giúp HĐQT - BGD điều hành mối quan hệ lĩnh vực trong nội bộ và đối ngoại.

- Thực hiện các quy trình trong quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bổ nhiệm, miễn nhiệm CB theo quyết định của HĐQT và GD công ty.

- Thực hiện các chế độ: Về chính sách LĐ tiền lương, nâng lương, thi nâng bậc hàng năm, giải quyết các chính sách liên quan về BHXH, BHYT, BHTN, chế độ hưu chí và chính sách khác với người lao động.

- Làm thủ tục, ký hợp đồng lao động thử việc, hợp đồng lao động chính thức, thanh lý hợp đồng lao động theo quyết định của HĐQT và GD công ty.

- Theo dõi quản lý tình hình lao động trong công ty, đánh giá phân tích chất lượng, số lượng đội ngũ CBCNV.

- Quản lý phương tiện xe con của Công ty, xe đi công tác cho BGD (các phòng, các tổ chức đoàn thể đi phải có lệnh của GD), Phục vụ các hội nghị, tiếp khách của công ty và các việc hiếu hi khác.

- Quản lý sơ đồ và nghiên cứu đề cấp thẻ mộ trí trong nghĩa trang nhân dân Thị xã Sơn Tây.

Phòng Tài chính - Kế toán

* Chức năng:

- Tham mưu về lĩnh vực tài chính kế toán và thực hiện toàn bộ công tác tài chính kế toán theo quy định pháp luật Nhà Nước và theo điều lệ hoạt động của công ty đảm bảo quản

lý sử dụng vốn đúng mục đích, hiệu quả, Đồng thời tham mưu cho Giám đốc tìm mọi biện pháp kinh doanh có hiệu quả.

- Các chức năng khác theo sự phân công của HĐQT, Ban Giám đốc, tùy theo tình hình thực tế công việc.

* Nhiệm vụ

- Tổ chức thực hiện công tác tài chính:

- + Lập kế hoạch tài chính hàng năm; huy động và quản lý việc sử dụng vốn;
- + Quản lý nguồn vốn và cơ cấu vốn; quản lý dòng tiền và tài sản của công ty.
- + Phân tích tài chính, quản lý cổ đông và trang Website của công ty

- Tổ chức thực hiện công tác kế toán:

+ Tổ chức hạch toán kế toán về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng Luật Kế toán và các văn bản pháp luật hiện hành.

+ Tổng hợp kết quả sản xuất kinh doanh, lập báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh để phục vụ cho việc kiểm tra thực hiện kế hoạch của Công ty.

+ Ghi chép, phản ánh chính xác, kịp thời và có hệ thống sự diễn biến của nguồn vốn; giải quyết các loại vốn phục vụ cho việc huy động vật tư, nguyên liệu, hàng hóa trong sản xuất - kinh doanh của Công ty.

+ Theo dõi công nợ của Công ty, phản ánh và đề xuất kế hoạch thu, chi tiền mặt và các hình thức thanh toán khác, Thực hiện công tác thanh toán đối nội và đối ngoại.

- Thực hiện quyết toán định kỳ hoặc đột xuất theo nhiệm vụ được HĐQT, ban Giám đốc giao đảm bảo đúng tiến độ và tham gia cùng với các phòng nghiệp vụ của công ty để hạch toán lỗ, lãi cho từng lĩnh vực sản xuất, giúp Giám đốc Công ty nắm chắc nguồn vốn, biết rõ lỗ lãi.

- Tham mưu và xây dựng các quy định, quy trình, hướng dẫn công việc, biểu mẫu và các tài liệu khác liên quan đến lĩnh vực hoạt động tài chính kế toán.

+ Theo dõi, quản lý hợp đồng và thu hồi nợ.

+ Tham gia đàm phán hợp đồng tùy theo chức năng : Hợp đồng thương mại, hợp đồng xây dựng, hợp đồng tín dụng, hợp đồng khoán....

+ Làm thủ tục thanh toán hợp đồng theo điều khoản Hợp đồng và chứng từ thanh toán, Theo dõi tình hình thanh toán theo Hợp đồng.

+ Tham gia thanh lý, theo dõi và đôn đốc thu hồi công nợ các hợp đồng.

+ Phối hợp với các phòng ban, đội tổ chức nghiệm thu, thanh toán, thu hồi tiền cung cấp dịch vụ, thu hồi công nợ.

+ Mở sổ theo dõi các hoạt động sản xuất kinh doanh, hạch toán cụ thể từng công trình, Đối chiếu công nợ với các Chủ đầu tư và các đơn vị khác.

- Lập các báo cáo đột xuất theo yêu cầu của HĐQT, Ban Giám đốc Công ty và Nhà nước.

- Xây dựng, phổ biến chế độ kế toán, tổ chức bồi dưỡng đội ngũ cán bộ kế toán: Xây dựng quy chế tài chính, kế toán, dự thảo trình duyệt các quy định cụ thể về tài chính – kế toán, quy định phân cấp quản lý về công tác tài chính, kế toán cho các đội sản xuất của công ty; phổ biến, hướng dẫn áp dụng quy chế, quy định về tài chính, kế toán đối với các đội sản xuất của công ty.

- Tổ chức thực hiện việc cập nhật và phổ biến các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động Tài chính, kế toán;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của HĐQT, Ban giám đốc.

Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật :

* Chức năng:

- Là phòng chuyên môn tham mưu giúp việc cho HĐQT, Ban giám đốc công ty tổ chức thực hiện công tác kinh tế - kế hoạch, quản lý các định mức kinh tế - kỹ thuật, xây dựng kế hoạch năm, kế hoạch dài hạn, tổng hợp kế hoạch sản xuất kinh doanh toàn công ty, Quản lý kỹ thuật trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng cơ bản, sửa chữa hạ tầng kỹ thuật và mua sắm phương tiện chuyên dùng, Hệ thống các chỉ tiêu, định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá dịch vụ trong nội bộ công ty.

- Tham mưu, giúp việc cho Ban giám đốc trong lĩnh vực tìm kiếm thị trường, phát triển mở rộng địa bàn sản xuất kinh doanh, quản lý các dự án đầu tư XD CB, hạ tầng kỹ thuật, quản lý các hợp đồng kinh tế XD CB, đặt hàng công tác VSMT, kiểm tra bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị có giá trị của công ty.

* Nhiệm vụ:

- Công tác Kinh tế - Kế hoạch

- Xây dựng kế hoạch và tổng hợp kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm phương tiện chuyên dùng theo định kỳ của công ty để báo cáo với cơ quan cấp trên khi có yêu cầu.

- Cùng với các phòng nghiệp vụ của công ty và các Đội sản xuất có liên quan để xây dựng đồng bộ các kế hoạch như: Kế hoạch sử dụng vốn; kế hoạch vật tư, vận tải; kế hoạch sản xuất - nghiên cứu kỹ thuật; kế hoạch xây dựng cơ bản; kế hoạch tiếp thị và liên danh kinh tế.

- Chuẩn bị các thủ tục cho Giám đốc công ty giao kế hoạch và xét duyệt hoàn thành kế hoạch của các Đội sản xuất, Giúp giám đốc kiểm tra và tổng hợp tình hình trong quá trình thực hiện kế hoạch, phát hiện các vấn đề và đề xuất hướng giải quyết.

- Xây dựng kế hoạch, theo dõi, kiểm tra và báo cáo tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh của công ty hàng quý, hàng năm và đột xuất theo yêu cầu của lãnh đạo công ty.

- Thực hiện việc cập nhật thông tin những Văn bản, Thông tư, Nghị định, chế độ chính sách mới để vận dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn thay đổi hoặc mới ban hành.

- Lập hồ sơ phương án đặt hàng hàng năm với các đơn vị đặt hàng công tác vệ sinh môi trường và thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải.

- Phối hợp với đơn vị tư vấn xây dựng kế hoạch đấu thầu và hồ sơ mời thầu trình Công ty phê duyệt đối với những dự án công ty làm chủ đầu tư.

- Lập kế hoạch và hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh đối với những tài sản, phương tiện có giá trị mà công ty có chủ trương mua sắm.

- Thực hiện việc soạn thảo, kiểm tra các hợp đồng kinh tế lớn về XD/CB, Đặt hàng công tác VSMT, theo dõi tiến độ thực hiện và thanh lý hợp đồng theo quy định của pháp luật.

- Hướng dẫn và chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện quản lý, sử dụng, lưu trữ hồ sơ, tài liệu kỹ thuật của các dự án và sửa chữa hạ tầng kỹ thuật.

- Xây dựng định mức, đơn giá vật tư, định mức kinh tế kỹ thuật, nhiên liệu ... và định kỳ kiểm tra, rà soát, điều chỉnh các định mức đó.

- Tổ chức khảo sát, lập dự toán, và nghiệm thu thanh quyết toán khối lượng công việc đặt hàng công tác vệ sinh môi trường, các công trình xây dựng cơ bản, các hạng mục cải tạo, sửa chữa hạ tầng kỹ thuật theo quy định của nhà nước và của công ty trong tháng, quý, năm.

- Chủ động khớp nối với với các phòng ban của UBND thành phố, thị xã và các huyện liên quan đến công tác đặt hàng, các dự án do công ty làm chủ đầu tư.

Công tác kỹ thuật:

- Giám sát, kiểm tra, theo dõi và đôn đốc việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, chất lượng các loại hình dịch vụ, chất lượng các công trình xây dựng trong quá trình triển khai các dự án của công ty, trực tiếp quản lý kỹ thuật, tiến độ, chất lượng đối với các công trình hoặc hạng mục công trình thi công xây dựng thuộc các dự án do công ty đầu tư hoặc các gói thầu do công ty ký kết hợp đồng.

- Phối hợp với Ban chỉ huy các đội sản xuất kiểm tra, giám sát kỹ thuật trong việc triển khai thực hiện khối lượng hợp đồng theo hồ sơ đặt hàng công tác VSMT và các quy trình kỹ thuật trong sản xuất kinh doanh để đảm bảo tiến độ và chất lượng công việc theo quy trình.

- Chủ trì phối hợp với đội quản lý vận hành phương tiện vận chuyển trong việc kiểm tra việc bảo dưỡng, sửa chữa lớn các thiết bị, xe máy theo định kỳ.

- Phối hợp với phòng Tài chính - Kế toán kiểm tra nghiệm thu kỹ thuật, chất lượng vật tư các sản phẩm xây dựng, rà soát các khối lượng đã triển khai thực hiện để phòng Tài chính - Kế toán có cơ sở thanh quyết toán.

5 Định hướng phát triển

5.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Ổn định SXKD, xây dựng chiến lược phát triển công ty, bảo toàn và phát triển vốn, phân đầu tăng vốn điều lệ lên trên 20 tỷ đồng.
- Khai thác và sử dụng có hiệu quả các phương tiện, trang thiết bị hiện có, đầu tư trang bị thêm cơ sở vật chất trang thiết bị đáp ứng yêu cầu SXKD đảm bảo đủ năng lực cạnh tranh theo yêu cầu của các chủ hàng.

5.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Ổn định và mở rộng ngành nghề kinh doanh nhưng có chọn lọc giữ vững phát huy thế mạnh truyền thống của công ty là dịch vụ vệ sinh môi trường và xử lý rác thải, tìm kiếm và phát triển các dự án mới.

Bảo đảm tốt lợi ích của Nhà nước, lợi ích của cổ đông và đảm bảo việc làm, thu nhập, thực hiện tốt các chế độ, chính sách cho người lao động.

5.3 Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.

Nâng cao chất lượng phục vụ dịch vụ, giữ vững thương hiệu, đảm bảo mỹ quan đô thị, môi trường Sáng – Xanh – Sạch – Đẹp trên tất các địa bàn mà công ty phục vụ.

6 Các rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động SXKD hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của công ty

6.1 Rủi ro nền kinh tế

Thực trạng nền kinh tế và xu hướng chung trong tương lai có ảnh hưởng đến sự thành công và chiến lược hoạt động của doanh nghiệp, Khi nền kinh tế ở giai đoạn có tốc độ tăng trưởng cao, Công ty có nhiều cơ hội cho đầu tư mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, Ngược lại, khi nền kinh tế sa sút, suy thoái sẽ gây ảnh hưởng tiêu cực cho các doanh nghiệp.

Năm 2013 là năm quan trọng trong quá trình phát triển nền kinh tế của nước ta, Thị trường chứng khoán đang có dấu hiệu hồi phục, lãi suất cho vay giảm tạo điều kiện cho hoạt động đầu tư sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp và tổ chức tín dụng tái cơ cấu để tăng sức cạnh tranh... Đây sẽ là những bước đầu cho sự phát triển khởi sắc của nền kinh tế Việt Nam với nhiều làn sóng đầu tư mới vào các dự án công nghiệp và công trình đô thị.

Thêm vào đó, vấn đề bảo vệ môi trường hàng năm luôn được các cơ quan Trung Ương, các Bộ, Các Ban ngành quan tâm và thường xuyên có các hướng chỉ đạo tới các bộ phận ở cấp dưới, các doanh nghiệp trong ngành nâng cao ý thức giữ gìn và cải tạo môi trường nên cơ hội để các doanh nghiệp ngành môi trường phát triển các dịch vụ của mình là rất lớn, Đặc biệt, trong điều kiện Sơn Tây nay đã sáp nhập vào thành phố Hà Nội thì Công ty cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Sơn Tây nói riêng có rất nhiều thuận lợi để phát triển thị trường, Điều này cũng đòi hỏi Công ty phải có những bước đi hợp lý để có thể cạnh tranh và phát triển với các công ty trong ngành.

6.2 Rủi ro về pháp luật

Việt Nam đang trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, vì vậy, pháp luật và các chính sách của nước ta thường xuyên có những thay đổi để phù hợp với thực tiễn và thông lệ quốc tế, Doanh nghiệp trong quá trình hoạt động luôn phải đối mặt với các rủi ro biến động chính sách và quy định pháp luật, Mỗi sự thay đổi của chính sách pháp luật của Nhà nước, chính sách của các hiệp hội...đều tác động ít nhiều đến quá trình thực hiện kế hoạch hoạt động kinh doanh của Công ty.

Là Doanh nghiệp hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần, hoạt động của Công ty cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Sơn Tây chịu sự điều chỉnh chủ yếu bởi Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán ,, Trong khi các luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, nên sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi xảy ra sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Công ty đã thực hiện đăng ký chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và, Do đó, doanh nghiệp phải thực hiện công bố thông tin theo các văn bản Luật, các thông tư hướng dẫn yêu cầu doanh nghiệp tuân thủ theo đúng thời gian và làm quen dần để nắm bắt các thủ tục này.

6.3 Rủi ro về đặc thù

Giá cả nguyên vật liệu tăng nhanh, trong khi đơn giá đặt hàng chưa thay đổi phù hợp giá cả thị trường.

Thời tiết diễn biến phức tạp ảnh hưởng đến việc tiếp nhận và xử lý rác.

PHẦN II: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2013 tổng các gói hàng dịch vụ công ty đã ký kết với các chủ hàng là: 106.735 triệu đồng.

Địa bàn sản xuất kinh doanh và các nhiệm vụ thực hiện nhìn chung ổn định, Việc quản lý duy trì Khu xử lý rác Xuân Sơn cũng bắt đầu quen dần với phương thức nghiệm thu thanh quyết toán của Ban Duy tu, Sở xây dựng Thành phố Hà Nội.

Các gói hàng năm 2013 ký được hợp đồng ngay từ những ngày đầu năm nên công ty đã chủ động phối hợp chặt chẽ với chính quyền, các phòng chuyên môn ở địa phương và Ban duy tu Sở xây dựng để tổ chức sản xuất kinh doanh theo dự kiến đặt hàng, Điều hành sản xuất

với các biện pháp tổ chức tích cực do vậy quá trình sản xuất luôn ổn định từ đầu năm đến cuối năm không bị gián đoạn. Công ty đã thực hiện hoạt động kinh doanh với các chỉ tiêu như:

Lợi nhuận trước thuế: 31.060.053.878 đ đạt 115% so KH 2013 và bằng 118% so với năm 2012.

2 Tổ chức và nhân sự

- Danh sách ban điều hành:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP sở hữu tại ngày 31/12/2013	
			Số lượng	Tỷ lệ %
I	HDQT		64.149	
1	Hà Ngọc Tấn	Chủ tịch HĐQT	20.166	1,07
2	Lê Văn Thục	Phó C. tịch HĐQT	20.000	1,07
3	Lê Văn Vũ	Thành viên HĐQT	14.282	0,76
4	Nguyễn Hồng Điệp	Thành viên HĐQT	9.701	0,52
5	Nguyễn Xuân Huynh	Thành viên HĐQT		
II	Ban kiểm soát		21.316	
1	Phan Văn Tiến	Trưởng ban kiểm soát	9.469	0,50
2	Khiếu Minh Đồng	Thành viên BKS	5.956	0,32
3	Nguyễn T. Vân Anh	Thành viên BKS	5.891	0,31
	Tổng cộng		103.816	

- Thay đổi giám đốc điều hành trong năm : Không

✚ Sơ yếu lý lịch Ban điều hành

Họ và tên	: HÀ NGỌC TẤN
Chức vụ tại Công ty	: Chủ tịch HĐQT
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 04/02/1950
Số CMND	: 111257900 do CA Hà Nội cấp ngày 06/9/2008
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Quê quán	: Phúc Thọ - Hà Nội
Địa chỉ thường trú	: Số nhà 101 - Phường Quang Trung – TX Sơn Tây – Hà

Nội

Trình độ văn hóa : 10/10

Trình độ chuyên môn : Cử nhân

Quá trình công tác :

<i>Thời gian</i>	<i>Quá trình công tác</i>
Từ 01/0967 – 5/1976	Bộ đội đoàn 575
Từ 6/1976 – 8/1980	Phó bí thư huyện đoàn Ba Vì - Hà Nội
Từ 9/1980 – 7/1982	Học viện trường Nguyễn ái Quốc Trung ương I - Hà Nội
Từ 8/1982- 3/1983	Bí thư huyện đoàn Ba Vì - Hà Nội
Từ 4/1983- 4/1985	Phó văn phòng Thị uỷ Sơn Tây – Hà Nội
Từ 5/1985 – 2/1989	Chánh văn phòng Thị uỷ Sơn Tây
Từ 3/1989 – 8/1991	Giám đốc xí nghiệp Công trình Đô thị Sơn Tây – Hà Nội
Từ 9/1991- 9/2008	Giám đốc Công ty Môi trường đô thị Sơn Tây – Hà Tây
Từ 10/2008 đến nay	Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Sơn Tây

Số cổ phần sở hữu : - Cá nhân : 20.166 cổ phần

-

Họ và tên	: LÊ VĂN THỰC
Chức vụ tại Công ty	: Phó Chủ tịch HĐQT - Giám đốc điều hành
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 15/10/1953
Số CMND	: 112008103 do CA Hà Tây cấp ngày 14/7/2004
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Quê quán	: Văn Giang – Hưng Yên
Địa chỉ thường trú	: Số nhà 17 – Phố Đốc Ngừ – Tx Sơn Tây – Hà Nội
Trình độ văn hóa	: 10/10
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư

Quá trình công tác :

<i>Thời gian</i>	<i>Quá trình công tác</i>
Từ 9/1971 – 9/1972	Học tại trường đại học ngoại ngữ Hà Nội
Từ 10/1972 – 7/1976	Học tại trường Đại học Giao thông Dresden – Cộng hoà dân chủ Đức
Từ 4/1978	Giáo viên trường Công nhân kỹ thuật – XNLH CT II
Từ 1978 – 1988	Phó trưởng phòng giáo vụ trường công nhân kỹ thuật I – Bộ Giao thông vận tải
Từ 3/1988	Công tác tại xí nghiệp Công trình Đô thị Sơn Tây – Hà Nội
Từ 3/1993 – 9/2008	Phó Giám đốc Công ty môi trường Đô thị Sơn Tây – Hà Tây
Từ 10/2008 đến nay	Giám đốc Công ty CP Môi trường và Công trình đô thị Sơn Tây – Hà Nội
Số cổ phần sở hữu	: Cá nhân : 20.000 cổ phần

Họ và tên	: LÊ VĂN VŨ
Chức vụ tại Công ty	: Ủy viên HĐQT - Phó giám đốc điều hành
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 18/10/1955
Số CMND	: 112353277 do CA Hà Tây cấp ngày 18/9/2006
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Quê quán	: Phúc Thọ – Hà Nội
Địa chỉ thường trú	: Thanh Mỹ - Tx Sơn Tây – Hà Nội
Trình độ văn hóa	: 10/10
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân
Quá trình công tác	:

<i>Thời gian</i>	<i>Quá trình công tác</i>
------------------	---------------------------

Từ 10/1974 – 10/1977	Sở chỉ huy quân sự Hà Sơn Bình
Từ 11/1977 – 8/1982	Thị uỷ Sơn Tây
Từ 8/1982- 12/1989	UBND Thị xã Sơn Tây
Từ 1/1990 – 11/1991	Công ty Môi trường Đô thị Sơn Tây
Từ 12/1991 – 3/2008	Đội trưởng đội MT4 - Công ty Môi trường Đô thị Sơn Tây
Từ 10/2008 đến nay	Phó Giám đốc Công ty CP Môi trường và Công trình đô thị Sơn Tây – Hà Nội

Số cổ phần sở hữu : Cá nhân : 14.282 cổ phần

Họ và tên	: NGUYỄN XUÂN HUYNH
Chức vụ tại Công ty	: Ủy viên HĐQT
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 08/10/1959
Số CMND	: 010412264 do CA Hà Nội cấp ngày 28/08/2000
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Quê quán	: Hồng An – Hưng Hà – Thái Bình
Địa chỉ thường trú	: CH2001. Nhà 29T1 – No5 Hoàng Đạo Thụy. Cầu Giấy. Hà Nội
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư
Quá trình công tác	:

<i>Thời gian</i>	<i>Quá trình công tác</i>
1982-1986	Tổng công ty Thủy điện Sông Đà Chức vụ: Đội trưởng
1986-1994	Nhà Máy đóng tàu Hà Nội Chức Vụ Quản đốc
1994- nay	Công ty Môi trường đô thị Hà Nội

Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT. Phó Tổng giám đốc công ty TNHH nhà nước 1 thành viên Môi trường đô thị Hà Nội.

Số cổ phần sở hữu : Cá nhân : 0

Họ và tên	: NGUYỄN HỒNG DIỆP
Chức vụ tại Công ty	: Ủy viên HĐQT - Đội trưởng đội công viên cây xanh
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 22/7/1958
Số CMND	: 111696794 do CA Hà Tây cấp ngày 27/2/2006
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Quê quán	: Thôn Thiều Xuân. Viên. Sơn Tây – Hà Nội
Địa chỉ thường trú	: Phường Phú Thịnh - Tx Sơn Tây – Hà Nội
Trình độ văn hóa	: 10/10
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư
Quá trình công tác	:

<i>Thời gian</i>	<i>Quá trình công tác</i>
Từ 2/1976 – 2/1988	F 520 Bộ Tư lệnh Công Binh – Vĩnh Phú
Từ 3/1988– 9/2008	Đội trưởng đội công viên cây xanh– Công ty Môi trường đô thị Sơn Tây
Từ 10/2008 đến nay	Đội trưởng đội công viên cây xanh – Thành viên HĐQT Công ty CP Môi trường và Công trình đô thị Sơn Tây – Hà Nội
Số cổ phần sở hữu	: Cá nhân : 9.701 cổ phần

Họ và tên	: VŨ KIM HOA
Chức vụ tại Công ty	: Kế toán trưởng
Giới tính	: Nữ

Ngày tháng năm sinh : 02/08/1979
 Số CMND : 111456440 do CA Hà Tây cấp ngày 11/3/1997
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Quê quán : Sơn Tây – Hà Nội
 Địa chỉ thường trú : Phường Phú Thịnh - Tx Sơn Tây – Hà Nội
 Trình độ văn hóa : 12/12
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân
 Quá trình công tác :

<i>Thời gian</i>	<i>Quá trình công tác</i>
<i>Từ 3/2002 – 3/2004</i>	<i>Nhân viên kế toán tại T.Tâm Thương Mại Việt Nam - Cô- oet</i>
<i>Từ 12/2004 – 9/2008</i>	<i>Kế toán viên tại Công ty Môi trường và Công trình Đô thị Sơn tây</i>
<i>Từ 10/2008 – 5/2010</i>	<i>Kế toán viên - Ủy viên ban kiểm soát - Công ty cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây</i>
<i>Từ 6/2010-3/2011</i>	<i>Quyền kế toán trưởng – Công ty cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây</i>
<i>Từ 4/2011 đến nay</i>	<i>Kế toán trưởng tại Công ty Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây</i>

Số cổ phần sở hữu : Cá nhân : 10.038 cổ phần

- Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách với người lao động.

Tổng số lao động tại thời điểm 31/12/2013 là 567 người. trong đó:

TT	Nội dung	Số người
1	Trình độ đại học	34
2	Trình độ cao đẳng và trung cấp	61
3	Lao động có tay nghề	472
	Tổng cộng	567

Chính sách lao động: người lao động đã được ký kết hợp đồng lao động tại công ty sẽ được hưởng mọi quyền lợi và nghĩa vụ theo Nội quy, quy chế và thỏa ước lao động tập thể của công ty.

3 Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- Các khoản đầu tư lớn: Không

4 Tình hình tài chính của công ty thời điểm 31/12/2013:

a. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	69.498.130.975	81.861.918.844	17,8%
Doanh thu thuần	103.087.775.943	113.618.412.797	10,2%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	25.992.907.452	31.002.020.905	19,3%
Lợi nhuận khác	239.311.393	58.032.973	-75,8%
Lợi nhuận trước thuế	26.232.218.845	31.060.053.878	18,4%
Lợi nhuận sau thuế	21.641.580.547	23.295.040.408	7,6%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	22%	30%	36%

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,88	3,34	
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	1,82	3,31	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	40,2%	25,2%	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	67,2%	33,6%	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	44,4 vòng	70,8 vòng	

+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,81 lần	1,50 lần	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	21%	20,5%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	68,9%	45,3%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	37,9%	30,8%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	25,2%	27,3%	

5 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần

Tổng số cổ phần đang lưu hành: 1.876.000 cổ phần

Cổ phiếu tự do chuyển nhượng: 1.780.497 cổ phần

Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: 95.503 cổ phần

b. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm ngày 10/03/2014.

TT	Danh mục	1000 đồng	Tỷ lệ (%)
	Tổng vốn chủ sở hữu:	18.760.000	100
	- Cổ đông lớn nắm giữ từ 5% cổ phiếu trở lên (bao gồm cổ đông sáng lập là cổ đông lớn):	9.611.250	51,23
	- Cổ đông lớn nắm giữ từ 1% đến dưới 5% cổ phiếu:	3.805.510	23,37
	- Cổ đông nắm giữ dưới 1% cổ phiếu có quyền biểu quyết:	5.343.240	33,66
	Trong đó:		
	- Nhà nước:	4.858.930	25,90
	- Người nước ngoài:	0	0

Cổ đông phân theo khu vực kinh tế:

STT	Cổ đông	Tỷ lệ (%) / Vốn điều lệ	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VND)
I	Cổ phần Nhà nước	25.9%	485.893	4.858.930.000
II	Cổ phần của CBCNV công ty	52,09%	977.210	9.772.100.000
III	Cổ phần của nhà đầu tư ngoài	22,01%	412.897	4.128.970.000
	TỔNG CỘNG	100%	1.876.000	18.760.000.000

Danh sách các cổ đông nắm giữ trên 5%:

Cổ đông	Tỷ lệ nắm giữ (%)	Số cổ phần nắm giữ	Giá trị (1.000VND)
Công ty TNHH Nhà nước một thành viên môi trường đô thị	25.9	485.893	4.858.930
Nguyễn Hải Vân	6.28	117.825	1.178.250
Vũ Ngọc Nghĩa	13.08	245.400	2.454.000
Phạm Thị Chinh	5.97	112.007	1.120.070
Tổng cộng	51.23	961.125	9.611.250

- c. **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Không thay đổi trong năm 2013
- d. **Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không có
- e. **Các chứng khoán khác:** Toàn bộ Cổ phiếu Công ty cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Sơn Tây là cổ phiếu phổ thông.

PHẦN III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty qua một số chỉ tiêu chính năm 2013 như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2013	TH năm 2013	Tỷ lệ % TH/KH năm 2013	Tỷ lệ % TH 2013/2012
1	Tổng doanh thu	tỷ VND	112	115,354	102,99%	110,2%
2	Tổng chi phí	tỷ VND	85	84,294	99,17%	107,5%
3	Lợi nhuận trước thuế	tỷ VND	27	31,060	115,04%	118,4%
4	Thuế TNDN	tỷ VND	6,750	7,765	115,04%	169,1%
5	LNST	tỷ VND	20,250	23,295	115,04%	107,6%

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2013 đã vượt chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 đưa ra, Cụ thể:

- Tổng doanh thu vượt 2,99% so với kế hoạch, tăng 10,2% so với năm 2012
- Lợi nhuận sau thuế của Công ty vượt 15% so với kế hoạch, tăng 7,6% so với năm 2012.

Đây là thành tích đáng tự hào của Công ty, thể hiện sự cố gắng của Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ công nhân viên của công ty trong năm 2013.

2 Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản

Đơn vị: đồng

TT	Nội dung	2012	2013	Thay đổi 2013 so với 2012(%)
1	Tổng tài sản	69,498,130,975	81,861,918,844	17,8
2	Tài sản ngắn hạn	52,564,495,042	68,729,196,412	30,75
3	Phải thu ngắn hạn	20,506,509,868	25,014,042,005	21,98
4	Tài sản dài hạn	13,132,722,432	16,933,635,933	28,94
5	Phải thu dài hạn	-	-	-
	Hiệu quả sử dụng tài sản			
	Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	37,9%	30,8%	
	Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	1,8 lần	1,5 lần	

Tổng tài sản của Công ty tăng trong năm 2013 lên mức 81,9 tỷ đồng, cao hơn 17,8% so với năm 2012, Tuy nhiên Hiệu quả sử dụng tài sản của doanh nghiệp có phần giảm sút thể hiện qua các chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản và Doanh thu thuần/ Tổng tài sản năm 2013 thấp hơn năm 2012.

Các khoản phải thu của Công ty đều là các khoản phải thu ngắn hạn, có khả năng thu hồi cao.

Tình hình nợ phải trả

Đơn vị: đồng

Nội dung	Năm 2012	Năm 2013	Thay đổi 2013 so với 2012 (%)
I, Nợ ngắn hạn	27.921.849.626	20.596.882.005	-26,23%
1, Vay và nợ ngắn hạn	-	-	-
2, Phải trả người bán	2.283.456.000	1.071.769.660	-53,06%
3, Người mua trả tiền trước	359.361.000	-	-
4, Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.618.775.885	3.369.397.200	28,66%
5, Phải trả người lao động	11.627.200.000	12.856.731.200	10,57%
9, Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.893.509.746	346.997.450	-92,91%
10, Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	-	-
11, Quỹ khen thưởng phúc lợi	6.139.546.995	2.951.986.495	-51,92%
II, Nợ dài hạn	-	-	-

Toàn bộ Nợ phải trả của Công ty đều là Nợ ngắn hạn, Tổng các khoản nợ phải trả của Công ty năm 2013 giảm 26,23% so với 2012. Không có biến động lớn nào về các khoản nợ của Công ty.

Công ty không phải chịu rủi ro tỷ giá ngoại hối do không phát sinh các giao dịch mua bán sử dụng ngoại tệ khác đồng Việt Nam.

Công ty không có rủi ro lãi suất khi khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng có lãi suất ổn định.

3 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Những cải tiến về chính sách, quản lý:

- Cử cán bộ công nhân viên các phòng ban tham gia các khoá học nâng cao năng lực quản lý, chuyên môn.
 - Tổ chức các đợt thi đua khen thưởng chào mừng các sự kiện trọng đại là động lực kích thích cán bộ công nhân viên nâng cao tinh thần trách nhiệm với công việc và tinh thần đoàn kết tập thể.
- Các biện pháp kiểm soát của công ty
- Xây dựng kế hoạch hoạt động năm, quý, tháng
 - Báo cáo trong các buổi họp giao ban hàng tuần
 - Báo cáo lãnh đạo khi có vấn đề phát sinh cần chỉ đạo giải quyết.

4 Kế hoạch phát triển trong tương lai

Mở rộng địa bàn phục vụ thu gom, vận chuyển xử lý rác, tưới nước rửa đường và chiếu sáng trên địa bàn thị xã Sơn Tây và các huyện phụ cận.

- Mua 01 xe tưới nước rửa đường dung tích 20m³ phục vụ việc tưới rửa đường, tưới cây dải phân cách.

- Mua 01 xe cuốn ép rác có dung tích 14m³ phục vụ vận chuyển rác thay thế dần tưới cho một số xe nhỏ có thời gian sử dụng trên 10 năm

- Trang bị thêm một số phương tiện khác theo yêu cầu của cơ quan quản lý và các chủ hàng khi cần thiết

PHẦN IV: ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1 Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty và hoạt động của Ban Giám đốc công ty

HĐQT, ban điều hành đã luôn chủ động trong việc ký kết các hợp đồng đặt hàng cung cấp các dịch vụ đô thị với Thị xã Sơn Tây, Huyện Phúc Thọ, Ban duy tu các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị thành phố Hà Nội và một số cơ quan đơn vị khác. Do đó công tác điều hành SXKD luôn chủ động tạo điều kiện mở rộng địa bàn sản xuất, thu hút thêm lao động. HĐQT và Ban giám đốc luôn triệt để nêu cao tinh thần triệt để thực hành tiết kiệm, chống lãng phí để góp phần giảm chi phí, nâng cao hiệu quả SXKD.

2 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Ổn định SXKD và xây dựng chiến lược phát triển công ty, bảo toàn và phát triển vốn, phấn đấu tăng vốn điều lệ lên trên 20 tỷ đồng

- Nâng cao chất lượng phục vụ dịch vụ, giữ vững thương hiệu, địa bàn sản xuất kinh doanh của công ty.

- Doanh thu phấn đấu đến năm 2018 đạt trên 130 tỷ đồng.

- Cổ tức hàng năm không thấp hơn 02 lần mức lãi suất tiền gửi bình quân liên ngân hàng (thời hạn 12 tháng)

- Khai thác sử dụng có hiệu quả phương tiện, trang thiết bị hiện có, đầu tư trang bị thêm cơ sở vật chất trang thiết bị đáp ứng yêu cầu SXKD, đảm bảo đủ năng lực cạnh tranh theo yêu cầu.

PHẦN V: QUẢN TRỊ CÔNG TY

1 Hội đồng quản trị

- a. Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc và Kế toán trưởng đã điều hành Công ty trong suốt năm 2013 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị:

1. Ông Hà Ngọc Tân	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2. Ông Lê Văn Thục	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị - Giám đốc
3. Ông Lê Văn Vũ	Thành viên Hội đồng quản trị - Phó giám đốc
4. Ông Nguyễn Xuân Huynh	Thành viên Hội đồng quản trị
5. Ông Nguyễn Hồng Điệp	Thành viên Hội đồng quản trị - Phó giám đốc
6. Bà Phùng Thị Nhường	Phó giám đốc
7. Bà Vũ Kim Hoa	Kế toán trưởng

- b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Ban kiểm soát

Ban thư ký

* **Hoạt động của Hội đồng quản trị:** Năm 2013 HĐQT đã họp 12 phiên ra 12 thông báo nghị quyết và 32 quyết định để Chỉ đạo Ban giám đốc và các tiểu ban thuộc HĐQT thực hiện hoàn thành kế hoạch năm 2013 theo nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2013 đã đề ra.

- c. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:

Thành viên hội đồng quản trị không điều hành: Ông Nguyễn Xuân Huynh.

Hoạt động của Ông Nguyễn Xuân Huynh trong năm 2013: Tham gia tổng số 10/12 cuộc họp thường niên năm 2013 và đóng góp các ý kiến để công tác điều hành SXKD năm 2013 hoàn thành tốt các chỉ tiêu đã đề ra.

- d. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

e. * Ban kiểm soát

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT thường niên hàng tháng và kiểm soát tính hợp lý, hợp pháp trong ghi sổ kế toán và báo cáo tài chính công ty.

- Báo cáo đến Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính, các báo cáo khác của

Công ty, tính trung thực, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

*** Ban thư ký**

- Tổ chức các cuộc họp của HĐQT, BKS và ĐHĐCĐ theo lệnh của chủ tịch HĐQT hoặc Ban kiểm soát và chuẩn bị tài liệu các cuộc họp.
- Ghi biên bản các cuộc họp và ra thông báo nghị quyết các kỳ họp của HĐQT.
- Tư vấn về các thủ tục cuộc họp.

2 Ban Kiểm soát

1	Phan Văn Tiến	Trưởng ban kiểm soát
2	Khiếu Minh Đồng	Thành viên BKS
3	Nguyễn Thị Vân Anh	Thành viên BKS

Hoạt động của Ban kiểm soát:

- BKS được HĐQT - BGD công ty mời tham gia đầy đủ các buổi họp của HĐQT, BGD, Tham gia đóng góp ý kiến vào việc triển khai thực hiện kế hoạch SXKD năm 2013, Xây dựng kế hoạch SXKD năm 2014 cũng như các buổi họp thường kỳ hàng tháng, Họp đột xuất về việc triển khai thực hiện kế hoạch SXKD của công ty.
- BKS tiến hành họp thường kỳ hàng tháng để triển khai thực hiện các nhiệm vụ trong tháng, quý.
- BKS thực hiện vai trò kiểm tra các báo cáo sơ, Tổng kết hoạt động SXKD, Báo cáo tài chính năm 2013 trước khi kiểm toán và sau kiểm toán.
- BKS thực hiện vai trò giám sát việc chỉ đạo, Điều hành tổ chức thực hiện hoạt động SXKD của HĐQT, BGD theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức hoạt động của công ty.
- BKS thực hiện vai trò giám sát trong công tác đầu tư XD CB, Mua sắm thanh lý sửa chữa, phương tiện, tài sản, trang thiết bị của công ty; chi phí cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm; việc công bố thông tin theo quy định của luật chứng khoán và các văn bản liên quan, việc trích lập các quỹ, phân phối lợi nhuận, đảm bảo lợi ích cho các cổ đông.

3 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

- a. Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên HĐQT, chủ tịch HĐQT và Ban kiểm soát.

TT	Nội dung	Quyết toán năm 2013 (đ)
I	Thù lao	141.000.000
1	HĐQT	101.520.000
2	Ban kiểm soát	39.480.000

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng,,)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Phan Văn Tiến	Trưởng Ban kiểm soát	9,069	0,48	9,469	0,5	Mua
2	Thế Thị Bách	Vợ ông Phan Văn Tiến	1,166	0,06	1,666	0,088	Mua
3	Thế Thị Bách	Vợ ông Phan Văn Tiến	1,666	0,088	2,166	0,12	Mua

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

PHẦN VI: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1 Ý kiến kiểm toán

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Đại Hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây, được lập ngày 19 tháng 02 năm 2014, từ trang 04 đến trang 20, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính,

Báo cáo thường niên 2013

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty và Kiểm toán viên

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn,

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán, Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không,

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính, Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn, Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty, Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính,

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi,

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính,

Trịnh Đức Minh

Giám đốc

Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 1433 – 2013 – 198 – 1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN MHD

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2014

Nguyễn Thị Thanh Thúy

Kiểm toán viên

Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 2049 – 2013 – 198 – 1

2 Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU B 01-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2013	Tại ngày 31/12/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		68.729.196.412	52.564.495.042
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	43.096.586.037	30.292.788.305
1. Tiền	111		10.026.411.037	8.292.788.305
2. Các khoản tương đương tiền	112		33.070.175.000	22.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		25.014.042.005	20.506.509.868
1. Phải thu của khách hàng	131	5.2	22.586.381.851	18.758.281.268
2. Trả trước cho người bán	132		413.504.154	1.070.000.000
5. Các khoản phải thu khác	135	5.3	2.014.156.000	678.228.600
IV. Hàng tồn kho	140	5.4	464.686.526	1.637.091.403
1. Hàng tồn kho	141		464.686.526	1.637.091.403
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		153.881.844	128.105.466
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		53.458.478	115.960.633
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		100.423.366	12.144.833
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		13.132.722.432	16.933.635.933
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		11.538.600.464	15.899.371.921
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.5	11.442.783.464	15.737.213.921
- Nguyên giá	222		43.882.426.291	44.149.723.282
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(32.439.642.827)	(28.412.509.361)
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	13.550.000
- Nguyên giá	228		-	18.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	(4.450.000)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		95.817.000	148.608.000
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.594.121.968	1.034.264.012
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.594.121.968	1.034.264.012
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		81.861.918.844	69.498.130.975

MẪU B 01-DN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2013	Tại ngày 31/12/2012
A. Nợ phải trả	300		20.596.882.005	27.921.849.626
I. Nợ ngắn hạn	310		20.596.882.005	27.921.849.626
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312	5.6	1.071.769.660	2.283.456.000
3. Người mua trả tiền trước	313		-	359.361.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.7	3.369.397.200	2.618.775.885
5. Phải trả người lao động	315		12.856.731.200	11.627.200.000
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	5.8	346.997.450	4.893.509.746
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		2.951.986.495	6.139.546.995
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. Vốn chủ sở hữu	400		61.265.036.839	41.576.281.349
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.9	59.900.709.605	39.086.975.732
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		18.760.000.000	18.760.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9.965.000	9.965.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		12.128.757.977	12.128.757.977
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.406.512.000	3.406.512.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		25.595.474.628	4.781.740.755
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	5.10	1.364.327.234	2.489.305.617
1. Nguồn kinh phí	432		(26.436.500)	(55.930.000)
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		1.390.763.734	2.545.235.617
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		81.861.918.844	69.498.130.975

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

MẪU B 02-DN

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		114.402.596.180	103.180.715.815
2. Các khoản giảm trừ	02		784.183.383	92.939.872
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	113.618.412.797	103.087.775.943
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	74.390.252.198	71.630.461.566
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		39.228.160.599	31.457.314.377
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.671.088.821	1.354.549.036
7. Chi phí tài chính	22		1.263.889	23.457.778
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.263.889	23.457.778
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.4	9.895.964.626	6.795.498.183
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		31.002.020.905	25.992.907.452
11. Thu nhập khác	31		64.472.973	239.311.393
12. Chi phí khác	32		6.440.000	-
13. Lợi nhuận khác	40		58.032.973	239.311.393
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		31.060.053.878	26.232.218.845
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.5	7.765.013.470	4.590.638.298
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		23.295.040.408	21.641.580.547
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.6	12.417	11.536

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

MẪU B 03-DN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		109.978.086.937	66.209.008.258
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02		(35.739.000.321)	(28.984.163.527)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(46.088.098.730)	(20.088.462.500)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(1.263.889)	(23.457.778)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(6.911.296.944)	(1.763.107.768)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.983.103.743	24.821.807.639
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(6.596.238.685)	(4.074.301.160)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		16.625.292.111	36.097.323.164
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(198.582.000)	(6.671.054.227)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	33.436.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.671.088.821	1.354.549.036
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.472.506.821	(5.283.069.191)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		650.000.000	2.940.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(650.000.000)	(2.940.000.000)
6. Cổ tức lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5.294.001.200)	(2.678.068.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(5.294.001.200)	(2.678.068.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		12.803.797.732	28.136.185.973
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		30.292.788.305	2.156.602.332
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		43.096.586.037	30.292.788.305

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây (“Công ty”) là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 2248/QĐ-UBND ngày 10 tháng 07 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây về việc Phê duyệt Phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây thành Công ty cổ phần, Ngày 25 tháng 09 năm 2008 Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103026959, Vốn điều lệ của Công ty là 11.256.000.000 đồng, tổng số cổ phần phát hành lần đầu là 1.125.600 cổ phần, với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Ngày 01 tháng 11 năm 2011, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ nhất do thay đổi vốn điều lệ với mã số doanh nghiệp 0500239004, Theo đó, Vốn điều lệ của Công ty là 18.760.000.000 đồng, được chia làm là 1.876.000 cổ phần, với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, Trong đó, cổ đông Nhà nước và các cổ đông khác đang nắm giữ cụ thể như sau:

	<u>Số cổ phần</u>	<u>Vốn góp</u>	<u>Tỷ lệ góp vốn</u>
	<u>Cổ phần</u>	<u>VND</u>	<u>%</u>
Tên cổ đông			
Cổ đông nhà nước	485.893	4.858.930.000	25,90%
Cổ đông khác	1.390.107	13.901.070.000	74,10%
Cộng	1.876.000	18.760.000.000	100%

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2013 là 567 người,

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của công ty năm 2013

Một số ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là:

- Thu gom vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt, đảm bảo vệ sinh môi trường;
- Quản lý vận hành hệ thống thoát nước đô thị;
- Quản lý vận hành hệ thống điện chiếu sáng, điện trang trí, đèn tín hiệu giao thông công cộng;

- Quản lý duy trì công viên, vườn hoa, cây xanh thảm cỏ đường phố, đảo giao thông;
- Quản lý nghĩa trang nhân dân làm dịch vụ tang lễ;
- Xây dựng, sửa chữa vừa và nhỏ các công trình hạ tầng đô thị như: vỉa hè, thoát nước, đường nội thị, điện chiếu sáng, vườn hoa, cây xanh, thảm cỏ;
- Kinh doanh dịch vụ giải trí trong công viên;
- Kinh doanh hoa, cây cảnh;
- Thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải công nghiệp, rác thải độc hại;
- Xử lý môi trường làng nghề,

Hoạt động chính của công ty năm 2013 là:

- Thu gom vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt, đảm bảo vệ sinh môi trường; quản lý vận hành hệ thống điện chiếu sáng, quản lý duy trì công viên, vườn hoa...
- Quản lý nghĩa trang nhân dân làm dịch vụ tang lễ...

1. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về Kế toán tại Việt Nam.

Kỳ Kế toán

Năm tài chính hàng năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đảm bảo đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn hiện hành khác về kế toán do Nhà nước ban hành trong việc lập và trình bày các Báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính Kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về Kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động, Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó, Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính: tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó, Công nợ tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu

Tiền và các khoản tương đương tiền,

Tiền và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được, Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bảo quản, bốc xếp, hao hụt định mức và các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc mua hàng để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh,

Giá xuất hàng tồn kho được xác định theo Phương pháp thực tế đích danh,

Công ty áp dụng Phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho,

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, Tài sản cố định của Công ty bao gồm tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty và tài sản cố định được Nhà nước giao quản lý, sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với tỷ lệ khấu hao quy định tại Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 và thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ tài chính về chế độ Quản lý, sử dụng và trích khấu hao Tài sản cố định, Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

Tài sản	2013 (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 25
Máy móc thiết bị	5 – 10
Phương tiện vận tải	6 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 5

Chi phí khấu hao tài sản cố định thuộc quyền sở hữu của Công ty được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm, Các tài sản cố định Công ty được Nhà nước giao quản lý, sử dụng Công ty thực hiện trích khấu hao đồng thời ghi giảm nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo số tiền thực tế đã chi trả cho các đối tác cung cấp hàng hóa, dịch vụ và các đối tượng liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản do Công ty làm Chủ đầu tư.

Các khoản chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh kỳ Kế toán hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ Kế toán.

Các khoản chi phí phát sinh trong kỳ Kế toán nhưng có liên quan đến nhiều năm tài chính thì được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ dần vào chi phí hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ Kế toán theo phương pháp và tiêu thức hợp lý.

Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của Chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ, Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh sai sót trọng yếu của năm trước, Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty, cũng như quy định của pháp luật Việt Nam.

Nguồn kinh phí

Công ty phản ánh các khoản tiền do Ngân sách Nhà nước cấp để thực hiện các công trình, dự án do các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao Công ty làm Chủ đầu tư nhưng chưa được duyệt quyết toán chi phí thực hiện vào tài khoản Nguồn kinh phí,

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này, Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa chuyển sang người mua; đồng thời đơn vị có thể xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng, Thời điểm ghi nhận doanh thu thông thường trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa, dịch vụ hoặc phát hành hóa đơn cho người mua và được người mua chấp nhận thanh toán, Đối với trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ kế toán, doanh thu được xác định trên kết quả phần công việc đã thực sự hoàn thành trong năm,

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm các khoản lãi tiền gửi ngân hàng, Lãi tiền gửi được ghi nhận trên số tiền thực thu hoặc theo thông báo của ngân hàng.

Ghi nhận chi phí

Chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán, Các khoản tổn thất hoặc chi phí sản xuất kinh doanh dở dang không có khả năng thu hồi trong tương lai được xem xét ghi nhận giá vốn hàng bán của kỳ phát sinh nghiệp vụ.

Giá vốn hàng hóa và các dịch vụ khác được xác định trên cơ sở nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu chi phí trong kỳ kế toán.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh, Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh

Thuế

Thuế giá trị gia tăng được hạch toán theo phương pháp khấu trừ;

Công ty có các hoạt động chịu thuế và không chịu thuế GTGT, thuế suất thuế GTGT đầu ra đối với hoạt động chịu thuế của Công ty theo quy định của pháp luật hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế, Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất mối quan hệ được chú ý không phụ thuộc vào hình thức pháp lý.

5, THÔNG TIN BỔ SUNG MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI NGÀY 31/12/2013

5,1, Tiền

	Tại ngày 31/12/2013	Tại ngày 31/12/2012
	VND	VND
Tiền mặt	44.295.898	106.706.847
Tiền gửi ngân hàng	9.982.115.139	8.186.081.458
Các khoản tương đương tiền	33.070.175.000	22.000.000.000
Cộng	43.096.586.037	30.292.788.305

5,2, Phải thu khách hàng

	Tại ngày 31/12/2013 VND	Tại ngày 31/12/2012 VND
Ban duy tu Sờ XD	1.864.785.000	-
Ban đầu tư XD thị xã Sơn Tây	17.494.219.825	-
Bệnh viện đa khoa Sơn Tây	34.200.000	68.400.000
Phòng quản lý đô thị huyện Phúc Thọ	472.127.500	4.847.500
BQL vốn sự nghiệp đảm bảo VSMT thị xã Sơn Tây	2.563.245.402	16.317.212.731
Khách hàng khác	157.804.124	2.367.821.037
Cộng	22.586.381.851	18.758.281.268

5,3, Phải thu khác

	Tại ngày 31/12/2013 VND	Tại ngày 31/12/2012 VND
Ban duy tu sở xây dựng	909.013.000	676.608.600
Công ty TNHH SX & TM Quang Minh	1.000.000.000	-
Phải thu khác	105.143.000	1.620.000
Cộng	2.014.156.000	678.228.600

5,4, Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2013 VND	Tại ngày 31/12/2012 VND
Hàng mua đang đi trên đường	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	373.337.628	452.032.644
Công cụ, dụng cụ	7.000.000	8.350.000
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	158.886.900
Thành phẩm	84.348.898	1.017.821.859
Giá gốc hàng tồn kho	464.686.526	1.637.091.403
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần	464.686.526	1.637.091.403

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SƠN TÂY

5,5, Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản công cộng được giao quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 31/12/2012	3.990.832.200	25.543.824.677	301.701.791	13.504.323.014	809.041.600	44.149.723.282
Tăng do mua sắm mới	102.765.000	-	-	-	-	102.765.000
Giảm khác	73.360.200	-	271.701.791	-	25.000.000	370.061.991
Tại ngày 31/12/2013	4.020.237.000	25.543.824.677	30.000.000	13.504.323.014	784.041.600	43.882.426.291
HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 31/12/2012	1.316.686.956	15.751.357.011	212.310.712	10.959.087.397	173.067.285	28.412.509.361
Trích khấu hao	412.988.702	2.534.113.528	19.013.194	1.154.471.883	188.056.560	4.308.643.867
Giảm khác	73.360.200	-	201.323.906	-	6.826.295	281.510.401
Tại ngày 31/12/2013	1.656.315.458	18.285.470.539	30.000.000	12.113.559.280	354.297.550	32.439.642.827
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2012	2.674.145.244	9.792.467.666	89.391.079	2.545.235.617	635.974.315	15.737.213.921
Tại ngày 31/12/2013	2.363.921.542	7.258.354.138	-	1.390.763.734	429.744.050	11.442.783.464

Phải trả người bán

	Tại ngày 31/12/2013 VND	Tại ngày 31/12/2012 VND
Cty CP tư vấn điện chiếu sáng Bình Minh	300.030.000	41.525.000
Doanh nghiệp tư nhân thương mại XD Đức Thắng	80.234.176	869.871.000
Công ty TNHH Miền Đất Mới	-	1.141.900.000
Hoàng Minh Tuấn	-	44.606.000
Công ty TNHH sản xuất dịch vụ và thương mại Quang Minh	367.378.484	-
Khách hàng khác	324.127.000	185.554.000
Cộng	1.071.769.660	2.283.456.000

5,7, Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2013 VND	Tại ngày 31/12/2012 VND
Thuế TNDN	3.331.754.200	2.556.651.168
Thuế TNCN	37.643.000	62.124.717
Cộng	3.369.397.200	2.618.775.885

5,8, Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Tại ngày 31/12/2013 VND	Tại ngày 31/12/2012 VND
Tiền cổ tức phải trả	-	3.132.550.600
Kinh phí vệ sinh môi trường bị truy thu	-	1.225.555.719
Các khoản phải trả phải nộp khác	346.997.450	535.403.427
Cộng	346.997.450	4.893.509.746

5,9, Vốn chủ sở hữu

a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngày 31/12/2012	18.760.000.000	9.965.000	12.128.757.977	3.406.512.000	4.781.740.755	39.086.975.732
Tăng trong năm	-	-	-	-	23.324.252.729	23.324.252.729
Lãi trong năm	-	-	-	-	23.295.040.408	23.295.040.408
Tăng khác	-	-	-	-	29.212.321	29.212.321
Giảm trong năm	-	-	-	-	2.510.518.856	2.510.518.856
Trả cổ tức	-	-	-	-	2.063.600.000	2.063.600.000
Giảm khác	-	-	-	-	446.918.856	446.918.856
Ngày 31/12/2013	18.760.000.000	9.965.000	12.128.757.977	3.406.512.000	25.595.474.628	59.900.709.605

b. Chi tiết vốn đầu tư của Chủ sở hữu

Tên cổ đông	Tại ngày 31/12/2013		Tại ngày 31/12/2012	
	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Cổ đông nhà nước	4.858.930.000	25,9%	4.858.930.000	25,9%
Cổ đông khác	13.901.070.000	74,1%	13.901.070.000	74,1%
Cộng	18.760.000.000	100%	18.760.000.000	100%

c. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2013	Tại ngày 31/12/2012
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.876.000	1.876.000
+ Cổ phiếu phổ thông	1.876.000	1.876.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.876.000	1.876.000
+ Cổ phiếu phổ thông	1.876.000	1.876.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu	10.000 VND	10.000 VND

5,10, Nguồn kinh phí và quỹ khác

	<u>Nguồn kinh phí</u> VND	<u>Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định</u> VND	<u>Cộng</u> VND
Số dư tại ngày 31/12/2012	(55.930.000)	2.545.235.617	2.489.305.617
Tăng trong năm	7.805.919.032	-	7.805.919.032
<i>Tăng do Ngân sách cấp</i>	7.774.805.532	-	7.774.805.532
<i>Tăng khác</i>	31.113.500	-	31.113.500
Giảm trong năm	7.776.425.532	1.154.471.883	8.930.897.415
<i>Chi sự nghiệp</i>	7.776.425.532	-	7.776.425.532
<i>Giảm do trích khấu hao</i>	-	1.154.471.883	1.154.471.883
Số dư tại ngày 31/12/2013	(26.436.500)	1.390.763.734	1.364.327.234

6, THÔNG TIN BỔ SUNG MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2013

6,1, Doanh thu

	<u>Năm 2013</u> VND	<u>Năm 2012</u> VND
Doanh thu bán hàng	114.402.596.180	103.180.715.815
Doanh thu dịch vụ công ích	110.111.363.011	99.198.936.517
Doanh thu xây lắp điện	172.398.191	406.042.989
Doanh thu khác	4.118.834.978	3.575.736.309
Các khoản giảm trừ doanh thu	784.183.383	92.939.872
Giảm giá hàng bán	784.183.383	-
Hàng bán bị trả lại	-	92.939.872
Doanh thu thuần	113.618.412.797	103.087.775.943

6,2, Giá vốn

	<u>Năm 2013</u> VND	<u>Năm 2012</u> VND
Giá vốn hàng bán	74 390 252 198	71.630.461.566

6,3, Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm 2013</u> VND	<u>Năm 2012</u> VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.671.088.821	1.354.549.036

6,4, Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.911.467.067	2.967.868.095
Chi phí dụng cụ đồ dùng văn phòng	207.043.006	73.690.524
Chi phí khấu hao tài sản	300.587.338	183.673.727
Thuế và các khoản lệ phí	262.091.637	589.813.951
Chi phí dịch vụ mua ngoài	251.014.758	225.048.200
Chi phí bằng tiền khác	2.963.760.820	2.755.403.686
Cộng	9.895.964.626	6.795.498.183

6,5, Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	31.060.053.878	26.232.218.845
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	31.060.053.878	26.232.218.845
Thu nhập chịu thuế được miễn, giảm	-	-
Thuế suất (25%)	25%	25%
Thuế thu nhập phải trả ước tính (theo thuế suất 25%) của tổng thu nhập chịu thuế.	7.765.013.470	6.558.054.711
Ảnh hưởng của miễn giảm thuế	-	1.967.416.413
Chi phí thuế TNDN hiện hành	7.765.013.470	4.590.638.298

6,6, Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.933.754.477	7.483.521.039
Chi phí nhân công	50.514.803.143	42.868.501.392
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.308.643.867	5.323.029.127
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.255.113.414	7.022.865.097
Chi phí khác bằng tiền	18.822.289.859	15.342.723.690
Cộng	86.834.604.760	78.040.640.345

6,7, Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23.295.040.408	21.641.580.547
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.876.000	1.876.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	12.417	11.536

7, THÔNG TIN KHÁC

7,1, CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa nguồn vốn và công nợ,

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có phần vốn thuộc các cổ đông của Công ty (Bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối),

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại thuyết minh số 4,

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	31/12/2012
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	43.096.586.037	30.292.788.305
Phải thu khách hàng và phải thu khác	25.014.042.005	20.506.509.868
Cộng	68.110.628.042	50.799.298.173
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	14.275.498.310	18.804.165.746
Cộng	14.275.498.310	18.804.165.746

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư số 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính, Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được, Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá, Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá hay rủi ro lãi suất có thể cao hơn rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty không phải chịu rủi ro tỷ giá ngoại hối do không phát sinh các giao dịch mua bán sử dụng ngoại tệ khác đồng Việt Nam.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty không có rủi ro lãi suất khi khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng (trung ương tiền có lãi suất ổn định).

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro xảy ra tổn thất tài chính đối với Công ty nếu một khách hàng hay bên đối tác của một công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng dẫn tới các tổn thất tài chính cho Công ty, Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có rủi ro tín dụng hay không, Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện bằng giá trị còn lại của các số dư phải thu khách hàng và phải thu khác như trình bày trên Bảng cân đối kế toán.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính, Chính sách của Công ty là thường xuyên giám sát các yêu cầu thanh khoản hiện tại và tương lai nhằm đảm bảo Công ty có thể duy trì dự trữ tiền và các khoản tương đương tiền đầy đủ để có thể đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và trung hạn, Việc nắm giữ tiền và các khoản tương đương tiền của Công ty và dòng lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh được cho là đầy đủ để có thể thanh toán các khoản nợ đến hạn trong năm tài chính tới của Công ty.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã thỏa thuận, Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Tại ngày 31/12/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	43.096.586.037	-	43.096.586.037
Phải thu khách hàng và phải thu khác	25.014.042.005	-	25.014.042.005
Cộng	68.110.628.042	-	68.110.628.042
Tại ngày 31/12/2013			
Phải trả người bán	1.071.769.660	-	1.071.769.660
Các khoản phải trả, phải nộp khác	13.203.728.650	-	13.203.728.650
Cộng	14.275.498.310	-	14.275.498.310
Chênh lệch thanh khoản thuần	53.835.129.732	-	53.835.129.732
	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Tại ngày 31/12/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.292.788.305	-	30.292.788.305
Phải thu khách hàng và phải thu khác	20.506.509.868	-	20.506.509.868
Cộng	50.799.298.173	-	50.799.298.173
Tại ngày 31/12/2012			
Phải trả người bán	2.283.456.000	-	2.283.456.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	16.880.070.746	-	16.880.070.746
Cộng	19.163.526.746	-	19.163.526.746
Chênh lệch thanh khoản thuần	31.635.771.427	-	31.635.771.427

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn

7.2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Theo đánh giá của Ban Giám đốc Công ty, đến thời điểm lập báo cáo này, không có bất kỳ sự kiện bất thường hoặc sự kiện sau ngày kết thúc niên độ nào xảy ra, có khả năng ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi cần phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2013.

7.3. Các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty là Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

	<u>Năm 2013</u>	<u>Năm 2012</u>
Tổng thu nhập Hội đồng quản trị và Ban giám đốc	<u>1.642.906.246</u>	<u>1.513.343.646</u>

7.4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu tại Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Đại diện theo pháp luật của Công ty

Chủ tịch Hội đồng quản trị

(Đã ký)

Hà Ngọc Tản